

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tôn
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày: 06/01/1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Số căn cước công dân: 052192000950

Trú tại: **Tổ E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

- Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh ngày: 10/6/1991 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 052091009154

Trú tại: **Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Gia Lai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Chị và anh **Dương Văn H** quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào tại **ủy ban nhân dân phường N,**

thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 30 tháng 12 năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân được 08 năm. Nay chị thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung tên Dương Nhã U, sinh ngày 12/02/2016, hiện con đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị và anh H sẽ tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Văn H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt liên tục trong quá trình tố tụng nên không có bản tự khai và không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Như Ý được ly hôn với anh Dương Văn H, giao con chung là cháu Dương Nhã U cho chị Ý được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Như Ý khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Văn H và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh **Dương Văn H** đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại **thôn N, phường B, tỉnh Gia Lai** nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Ý vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Dương Văn H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chỉ nhận được các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Như Ý cung cấp, bị đơn anh **Dương Văn H** không đến Tòa để tham gia tố tụng nên coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình, do đó bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Ý và anh **Dương Văn H** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2014 tại **ủy ban nhân dân phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum** (nay là **ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Quảng Ngãi**) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Ý trình bày, do cả hai không phù hợp về quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân được 08 năm, không có khả năng hàn gắn. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa nhiều lần tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh **H** đến Tòa khai báo, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **H** vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình với chị Ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình cảm giữa chị Ý và anh **H** thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa chị Ý và anh **H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Ý khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Dương Văn H** là có căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Như Ý và anh Dương Văn H có một con chung là cháu Dương Nhã U, sinh ngày 12/02/2016, hiện nay đang ở cùng với chị Ý. Nếu ly hôn, chị Ý yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu U còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Đồng thời từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay, chị Ý là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Ý có chỗ ở, công việc ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu U cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, sau khi xem xét các điều kiện, hoàn cảnh thực tế của người nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường của con chung và để cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày của trẻ không bị xáo trộn nên Hội đồng xét xử giao cháu U cho chị Ý được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Như Ý không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Ý không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Như Ý phải chịu 300.000 đồng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của ;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Ý.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Ý được ly hôn với anh **Dương Văn H**

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu **Dương Nhã U**, sinh ngày 12/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Như Ý được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Như Ý không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Ý không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Ý phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị Ý đã nộp theo biên lai số 0006109 ngày 04 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Phòng GD,KT,TTr &THA-TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (Số 48 ngày 30/12/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phương